

**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024**  
**TRƯỜNG THPT TRẦN NHẬT DUẬT**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở GDĐT Nam Định)*

**PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

**1. Đặc điểm, tình hình**

a) Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website:

- Trường THPT Dân lập Trần Nhật Duật
- Địa chỉ: Ngõ 253 đường Hưng Yên, thành phố Nam Định
- Website: [thtpt-dltrannhatduat.namdinhh.edu.vn](http://thtpt-dltrannhatduat.namdinhh.edu.vn)

b) Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THPT dân lập Trần Nhật Duật được thành lập vào ngày 25 tháng 9 năm 1997 theo Quyết định số 1190/QĐ-UB của UBND tỉnh Nam Định. Đây là ngôi trường dân lập thứ ba được thành lập trên địa bàn thành phố Nam Định.

Đội ngũ các thầy cô giáo là tập thể của những thầy cô có chuyên môn giỏi từ các trường công lập trên địa bàn thành phố Nam Định, là các thầy cô giáo trẻ có chuyên môn vững vàng, nhiệt huyết trong công tác.

Cơ sở vật chất nhà trường mặc dù chưa được khang trang nhưng được đầu tư, cải tạo theo hướng xanh-sạch-đẹp, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Các phòng học được trang bị đầy đủ ánh sáng, quạt mát, hệ thống điều hoà không khí, máy chiếu. Có sân chơi và trang thiết bị, dụng cụ thể thao cho môn giáo dục thể chất (Cầu lông, đá cầu, bóng rổ, ...).

Các hoạt động của nhà trường luôn diễn ra sôi nổi, các kỷ cương, nề nếp được siết chặt. Những tiêu cực trong học tập, thi cử được hạn chế đến mức tối đa, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, từ một ngôi trường ban đầu có 5 lớp học với hơn 300 học sinh, đến nay nhà trường đã có nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp. Các thế hệ học sinh của nhà trường hiện nay đã trưởng thành, đang học tập và công tác trên mọi miền của Tổ quốc.

c) Điểm mạnh:

- **Đội ngũ giáo viên:** Là một tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, có khát vọng xây dựng nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, 100% đạt chuẩn, có 20% GV có trình độ trên chuẩn. Chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn. Năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Độ tuổi đa số là giáo viên trẻ năng động nhiệt huyết.

Chất lượng giáo dục: Ổn định và có nhiều tiến bộ trong những năm gần đây.

- Cơ sở vật chất: Đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu trong việc dạy và học trong giai đoạn hiện nay (đã trang bị đầy đủ hệ thống ánh sáng, quạt mát, điều hòa, máy chiếu, mạng Internet).

d) Điểm yếu:

- Về công tác quản trị của nhà trường: Đội ngũ cán bộ quản lý còn thiếu và còn ít kinh nghiệm trong công tác quản lý.

- Đội ngũ giáo viên: Số lượng giáo viên cơ hữu còn ít, một số giáo viên lớn tuổi chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay (trình độ ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm còn hạn chế).

- Chất lượng học sinh: Điểm tuyển sinh đầu vào thấp, một số học sinh có ý thức kém trong học tập và rèn luyện.

- Cơ sở vật chất: Chưa đồng bộ.

e) Cơ hội và thách thức:

- Cơ hội:

+ Thế giới đang thay đổi với tốc độ nhanh chóng. Nhân loại thời 4.0 đang đòi hỏi nguồn nhân lực phù hợp để phát triển bền vững.

+ Đảng và Nhà nước ta xác định Giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đó là những điều kiện thuận lợi để đổi mới giáo dục đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp phát triển đất nước.

+ Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định luôn phát triển không ngừng với truyền thống hiếu học, năng động, sáng tạo, tích cực đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giáo dục Nam Định tiếp tục là tỉnh có kết quả thi THPT Quốc gia đứng đầu toàn quốc.

+ Nhà trường luôn nhận được quan tâm, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định. Tập thể đội ngũ sư phạm nhà trường tâm huyết với nghề và có ý thức trách nhiệm cao, luôn quyết tâm triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 nhằm xây dựng và phát triển nhà trường.

- Thách thức:

+ Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của xã hội, của ngành giáo dục và của cha mẹ học sinh trong thời kỳ mới.

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Đặc biệt từ năm học 2022-2023 bắt đầu thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa. Số lượng giáo viên cơ hữu còn ít, một số thầy cô đã lớn tuổi, do đó còn hạn chế trong việc tiếp nhận những công nghệ mới trong giáo dục (Phương pháp, ứng dụng CNTT trong giảng dạy,...).

+ Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng mềm để giáo dục cho học sinh, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Các trường THPT ngoài công lập, các trường Cao đẳng nghề trên địa bàn cũng không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường.

g) Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị:

- *Sứ mệnh*: Khát vọng vươn lên

- *Tâm nhìn*: Là một trong những trường có chất lượng trung bình khá trong top từ 45-50 trường THPT của tỉnh Nam Định.

- *Các giá trị cốt lõi*: Tinh thần, trách nhiệm - Sáng tạo đổi mới; Hợp tác, chia sẻ - Đoàn kết, dân chủ; Kỷ cương, nền nếp.

h) Mục tiêu chiến lược:

Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, trường THPT DL Trần Nhật Duật xây dựng mục tiêu chung: Uy tín về chất lượng - Học sinh chăm ngoan. Phấn đấu Trường Xanh-Sạch-Đẹp vào năm học 2024-2025.

## 2. Quy mô trường, lớp (số lớp, số học sinh từng khối lớp...)

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018-2019	9	374	4	179	2	88	3	107
2019-2020	8	329	2	70	4	172	2	87
2020-2021	8	327	2	90	2	66	4	171
2021-2022	8	336	4	187	2	85	2	64
2022-2023	11	517	5	250	4	183	2	84

## 3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Nội dung báo cáo được trình bày theo các Phụ lục 9,10,11,12 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Theo phụ lục 1,2,3,4 đính kèm).

- Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạnh kiểm (tỷ lệ %)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2020-2021	327	30,89	47,09	21,10	0,92	83,18	14,37	1,83	0,61
2021-2022	336	14,58	54,76	30,36	0,30	84,82	12,50	2,68	0
2022-2023 (Kỳ I)	267	12,36	59,55	23,22	4,86	77,53	18,73	2,62	1,12

- Kết quả rèn luyện và học tập của lớp 10:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạng kiểm (tỷ lệ %)			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2022-2023 (kỳ 1)	251	4,72	38,19	37,80	18,11	64,96	27,17	5,51	1,18

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác.....
2020-2021	6,130	50				
2021-2022	6,348	45				

## PHẦN 2. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

### I. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 của 03 năm gần nhất

Năm học	Phương thức tuyển sinh	Số lượng hồ sơ đăng kí dự thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	196	180	7,0	96
2021-2022	Xét tuyển	188	180	15	189
2022-2023	Xét tuyển	462	225	10,1	259

### II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

#### 1. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo Điều lệ trường THCS, THPT, trường phổ thông nhiều cấp học.

- Địa bàn tuyển sinh: Trên toàn tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận (Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình).

#### 2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 5 lớp (225 học sinh)

### 3. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả của các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT của các trường THPT công lập năm học 2023-2024 tỉnh Nam Định có nguyện vọng học tập tại trường.

- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập của học sinh ở cấp THCS.

### 4. Điều kiện, nguyên tắc xét trúng tuyển:

a) *Phương thức 1*: Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào điểm thi vào các trường THPT công lập năm học 2023-2024:

- Chỉ tiêu: 90% số học sinh cần tuyển (203 học sinh)

- Điều kiện đăng kí xét tuyển:

+ Đã thi tuyển vào lớp 10 các trường THPT trong tỉnh Nam Định năm học 2023-2024;

+ Không có điểm liệt trong số các môn thi (0,00 điểm);

+ Tổng điểm xét tuyển đã nhân hệ số từ 10,00 điểm trở lên.

- Nguyên tắc xét trúng tuyển: Theo Kế hoạch 526/KH-UBND của UBND tỉnh đối với xét trúng tuyển vào các trường THPT công lập.

- Nếu xét tuyển theo *Phương án 1* chưa đủ chỉ tiêu thì sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển theo phương thức 2.

b) *Phương thức 2*: Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả học tập 04 năm bậc THCS (Học bạ), kể cả thí sinh đã đăng ký tuyển sinh Phương thức 1 (không đổi khi xét theo điểm thi vào trường THPT Trần Nhật Duật).

- Chỉ tiêu: 10% số học sinh (22 học sinh)

- Điều kiện đăng kí xét tuyển:

+ Đã tốt nghiệp THCS;

+ Còn trong độ tuổi theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông nhiều cấp học;

+ Hạnh kiểm 04 năm bậc THCS xếp từ Khá trở lên.

- Nguyên tắc xét trúng tuyển:

+ Xét theo độ dốc tổng điểm trung bình cả năm của 04 năm học cấp THCS (lớp 6,7,8,9).

+ Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, trường lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

+ Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau không vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì đề nghị Sở GDĐT được lấy trúng

tuyển hết số thí sinh này;

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Thí sinh có tổng điểm tổng kết cuối năm các môn Văn, Toán, Ngoại ngữ của lớp 9 cao hơn; thí sinh có kết quả xếp loại hạnh kiểm (điểm rèn luyện) cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối bằng nhau thì đề nghị Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

### **5. Hồ sơ tuyển sinh**

- Bản chính học bạ cấp THCS.
- Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (hoặc bằng tốt nghiệp THCS).
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- Các giấy xác định ưu tiên (nếu có).
- Phiếu đăng ký xét tuyển (phiếu điểm thi vào các trường THPT công lập).

### **6. Tổ chức tuyển sinh:**

- Đối với những thí sinh đăng ký tuyển dựa vào điểm thi vào các trường THPT công lập: Thời gian đăng ký sau khi có kết quả thi của các trường THPT công lập (dựa vào kế hoạch thi và hướng dẫn cụ thể của Sở GDĐT Nam Định).

- Đối với những thí sinh đăng ký tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THCS: Thời gian đăng ký dự kiến từ ngày 01/06/2023 (sẽ có lịch cụ thể chi tiết sau).

## **PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC**

### **1. Các khoản thu**

#### **a) Học phí:**

- Lớp 10 năm học 2023-2024: 750.000đ/tháng (thu 09 tháng)
- Lớp 11 năm học 2024-2025: 750.000đ/tháng (thu 09 tháng)
- Lớp 12 năm học 2025-2026: 750.000đ/tháng (thu 09 tháng)

b) Học thêm: Theo Quy định của UBND tỉnh Nam Định và hướng dẫn của Sở GDĐT.

#### **c) Các khoản thu dịch vụ:**

Tiền coi xe: Theo Quyết định 01/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nam Định.

### **2. Chính sách miễn giảm học phí**

- Với những học sinh thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, áp dụng chính sách hỗ trợ học phí theo chế độ của Nhà nước.

- Miễn học phí buổi chiều với những học sinh thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn.

**PHỤ LỤC 1:**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông,**  
**năm học 2023-2024**

(Biểu mẫu 09)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét trúng tuyển vào lớp 10 trường THPT ngoài Công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.</li> </ul>
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Thực hiện chương trình GDPT 2018 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Nam Định		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.</li> </ul>		
IV	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.</li> <li>- Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.</li> </ul>		
V	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học 2 ca/ngày.</li> <li>- Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, ánh sáng, quạt, máy điều hòa, máy chiếu âm về mùa đông và thoáng mát về mùa hè.</li> <li>- Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> </ul>		
VI	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tham gia hoạt động Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội.</li> <li>- Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn cụm thành phố Nam Định.</li> <li>- Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...).</li> <li>- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp).</li> </ul>		

		- Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,...).		
VII	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ GV: đủ GV/lớp, đủ dạy tất cả các môn học.</li> <li>- Thực hiện công tác quản lý theo quy định của điều lệ trường học phù hợp với xu hướng tiên tiến hiện đại.</li> <li>- Phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp đối tượng học sinh.</li> </ul>		
VIII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh.</li> <li>- Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phân đầu trên 95% lên lớp thẳng và 100% công nhận tốt nghiệp THPT.</li> <li>- Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.</li> </ul>		
IX	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 90%.</li> <li>- Duy trì sĩ số ổn định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 95%.</li> <li>- Duy trì sĩ số ổn định.</li> </ul>	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100%.

**PHỤ LỤC 2:****Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Khối 10	Khối 11	Khối 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>336</b>	<b>187</b>	<b>85</b>	<b>64</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	84.82%	77.01%	90.59%	100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12,5%	18.72%	8.24%	0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2.68%	4.28%	1.18%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14,58%	5.58%	4.71%	53.12%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54,76%	56.68%	56.47%	46.88%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	30,36%	36.90%	38.82%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,3%	0.53%	0%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	77.08%	94.12%	97.65%	100%
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	14.58%	5.88%	4.71%	53.12%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	54.76%	56.68%	56.47%	46.88%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3.87%	5.88%	2.35%	0%
3	Lưu ban(tỷ lệ so với	0.30%	0.53%	0%	0%

	tổng số)				
4	Chuyên trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	0.89%	1.07%	1.18%	0%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	1.79%	2.13%	1.18%	1.56%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>				
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	64	0	0	64
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	64	0	0	64
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)</b>	50,8%	0%	0%	50.8%

**PHỤ LỤC 3:**  
**Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	14	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	5	1.5 m <sup>2</sup>
2	Phòng học bán kiên cố	9	1.5 m <sup>2</sup>
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	1	1.2 m <sup>2</sup> -
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	1.5 m <sup>2</sup>
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	2830 m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1000 m <sup>2</sup>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	60 m <sup>2</sup> / phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	50 m <sup>2</sup> / phòng	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	Thư viện điện tử	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	30 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	5	1
1.2	Khối lớp 11	5	1
1.3	Khối lớp 12	5	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		

4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
<b>1</b>	Ti vi	1	
<b>2</b>	Cát xét	1	
<b>3</b>	Đầu Video/đầu đĩa	1	
<b>4</b>	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
<b>5</b>	Thiết bị khác...		
<b>6</b>	.....		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
5	Thiết bị khác...		
..	.....		
	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )	
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	Không	
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	Không	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	Không	
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	Không	
<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh Số m <sup>2</sup> /học sinh
			Chung Nam/Nữ Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		
	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	X	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	X	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	X	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	X	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	X	



8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1									
9	Bảo vệ +phục vụ	3			1	1	1							

**\* Cam kết:**

- Nhà trường cam kết sẽ đầu tư mua sắm, trang bị cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cần thiết đảm bảo giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đạt hiệu quả.

- Nhà trường cam kết tuyển bổ sung đội ngũ giáo viên đảm bảo về tỉ lệ và chủng loại giáo viên theo quy định để triển khai tốt chương trình GDPT theo quy định./.